

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: 49/2024/DS-ST  
Ngày 16 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Hồng Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A.** Địa chỉ trụ sở: Số A, đường P, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc và nhận thư: Số I, đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đoàn Tấn Q, chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đình S, sinh ngày 16/11/1986. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B Đường số B, Khu phố E, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Số I N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền số: 093/2024/GUQA ngày 03/6/2024, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc T**, sinh ngày 01/02/1976. Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nơi ở hiện tại: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2024; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A, ông Nguyễn Đình S trình bày:* Vào ngày 18/10/2016, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A (sau đây viết tắt là

Công ty) và bà Lê Thị Ngọc T có ký kết Hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 254/ĐX16-17 với nội dung Công ty đầu tư cho bà Lê Thị Ngọc T vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) sản xuất nông sản và bà T có trách nhiệm nhận vật tư từ Công ty, giao vật tư cho nông dân, thu hồi tiền vật tư và hoàn trả cho Công ty trong thời hạn 135 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Trường hợp thanh toán trước hạn, mức lãi suất thưởng là 1,1%/30 ngày tính trên số tiền thanh toán trước hạn. Trường hợp thanh toán trễ hạn, mức lãi suất phạt là 1,1%/30 ngày tính trên số tiền thanh toán trễ hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã cung cấp các sản phẩm vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ... cho bà T để sản xuất nông nghiệp nhưng đến cuối vụ thu hoạch thì bà T không thanh toán hết tiền vật tư mà Công ty đã đầu tư. Tính đến ngày 30/6/2017, theo Sổ chi tiết đơn vị mua của Công ty có xác nhận của bà T thì tiền vật tư bà T chưa thanh toán cho Công ty là 408.959.859 đồng. Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán nợ cho Công ty nhưng đến nay bà T vẫn chưa thanh toán cho Công ty. Hiện nay, bà T còn nợ Công ty số tiền gốc 408.959.859 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2020 là 408.959.859 đồng x 1,1%/30 ngày x 1.095 ngày = 164.197.383 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 573.157.242 đồng. Nay Công ty chỉ yêu cầu bà T thanh toán tổng số tiền là 573.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 157.242 đồng và không yêu cầu tính lãi từ ngày 02/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm do đây là thời điểm dịch Covid-19, tình hình kinh tế khó khăn sau đại dịch và nông dân mất mùa. Ngoài ra, Công ty không có yêu cầu gì khác và không trình bày gì thêm.

*Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn, bà Lê Thị Ngọc T:* Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà T đến Tòa án, nhưng bà T không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bà T đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với bà T về việc yêu cầu bà T phải

thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 573.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với bà T về việc yêu cầu bà T thanh toán số tiền 157.242 đồng. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty khởi kiện bà T yêu cầu thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 573.157.242 đồng. Xét thấy, khi ký kết Hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 254/ĐX16-17 ngày 18/10/2016 với Công ty thì bà T cung cấp địa chỉ tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi ký kết hợp đồng, bà T chuyển về sinh sống tại địa chỉ ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và một thời gian sau, bà T bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống khi chưa thực hiện xong nghĩa vụ với Công ty và không thông báo, công bố công khai địa chỉ hiện nay bà T đang sinh sống, làm việc cho Công ty biết nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, coi như bà T cố tình giấu địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà T đã được Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu triệu tập hòa giải hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Bà T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà T vắng mặt không rõ lý do và Công ty có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty và bà T.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 254/ĐX16-17 ngày 18/10/2016 giữa Công ty và bà T có nội dung Công ty đầu tư cho bà T vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ...) và bà T có trách nhiệm thanh toán tiền vật tư cho Công ty theo thời hạn thỏa thuận trên hợp đồng là có xảy ra trên thực tế. Quá trình thực hiện hợp đồng, theo Sổ chi tiết đơn vị mua hàng có xác nhận của bà T đã thể hiện tính đến ngày 30/6/2017, bà T còn nợ Công ty số tiền gốc là 408.959.859 đồng. Ngoài ra, kể từ sau ngày 30/6/2017 cho đến nay, thì không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh bà T có thanh toán tiền mua vật tư nông nghiệp cho Công ty nên có căn cứ xác định hiện nay bà T còn nợ Công ty số tiền gốc 408.959.859 đồng. Vì vậy, Công ty yêu cầu bà T thanh toán cho Công ty số tiền gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận nên buộc bà T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền gốc 408.959.859 đồng.

[4] Công ty yêu cầu bà T thanh toán khoản tiền lãi của số tiền gốc 408.959.859 đồng theo mức lãi suất là 1,1%/30 ngày, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng về việc đầu tư vật tư nông nghiệp cho nông dân số 254/ĐX16-17 ngày 18/10/2016, Công ty và bà T có thỏa thuận nội dung bà T phải trả lãi suất trễ hạn cho Công ty với mức lãi suất 1,1%/30 ngày, tính trên số tiền thanh toán trễ hạn, nên việc Công ty yêu cầu bà T phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền gốc

408.959.859 đồng với mức lãi suất 1,1%/30 ngày, kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2020 là có căn cứ chấp nhận. Tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2020 là 1.095 ngày nên số tiền lãi bà T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty là: 408.959.859 đồng x 1,1%/30 ngày x 1.095 ngày = 164.197.383 đồng.

[5] Như vậy, tổng số tiền bà T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty là: 408.959.859 đồng + 164.197.383 đồng = 573.157.242 đồng.

[6] Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2024, Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T về việc yêu cầu bà T thanh toán số tiền 157.242 đồng, Công ty chỉ yêu cầu bà T thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 573.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Công ty.

[7] Công ty chỉ yêu cầu cá nhân bà T thanh toán nợ cho Công ty nên Hội đồng xét xử không buộc ai khác cùng bà T có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền trên cho Công ty.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với bà T được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) bằng 20.000.000 đồng + (4% x 173.000.000 đồng) = 26.920.000 đồng. Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 13.463.144 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004124 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm c tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A đối với bà Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu bà Lê Thị Ngọc T thanh toán tiền vật tư nông nghiệp cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A với số tiền gốc là 408.959.859 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu chín trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi chín đồng) và số tiền lãi kể từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2020 là 164.040.141 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm bốn mươi một đồng).

Buộc bà Lê Thị Ngọc T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A tổng số tiền 573.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi ba triệu đồng).

**2.** Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A đối với bà Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu bà Lê Thị Ngọc T thanh toán số tiền lãi 157.242 đồng (Một trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng).

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A đối với bà Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu bà Lê Thị Ngọc T thanh toán số tiền 157.242 đồng (Một trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng).

**3.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Về án phí, bà Lê Thị Ngọc T phải nộp 26.920.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 13.463.144 đồng (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004124 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**6.** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Lê Thị Mỹ Xuyên**